

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2021/12/21	New production	DVB-0628	Dang Dinh Tuan	Nguyen Van Thao	Ha Ngoc Tien	$0.5 \leq, \leq 6$	± 0.1
							$6 <, \leq 30$	± 0.2
							$30 <, \leq 120$	± 0.3
							$120 <, \leq 400$	± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-0, JIS B 0419-0

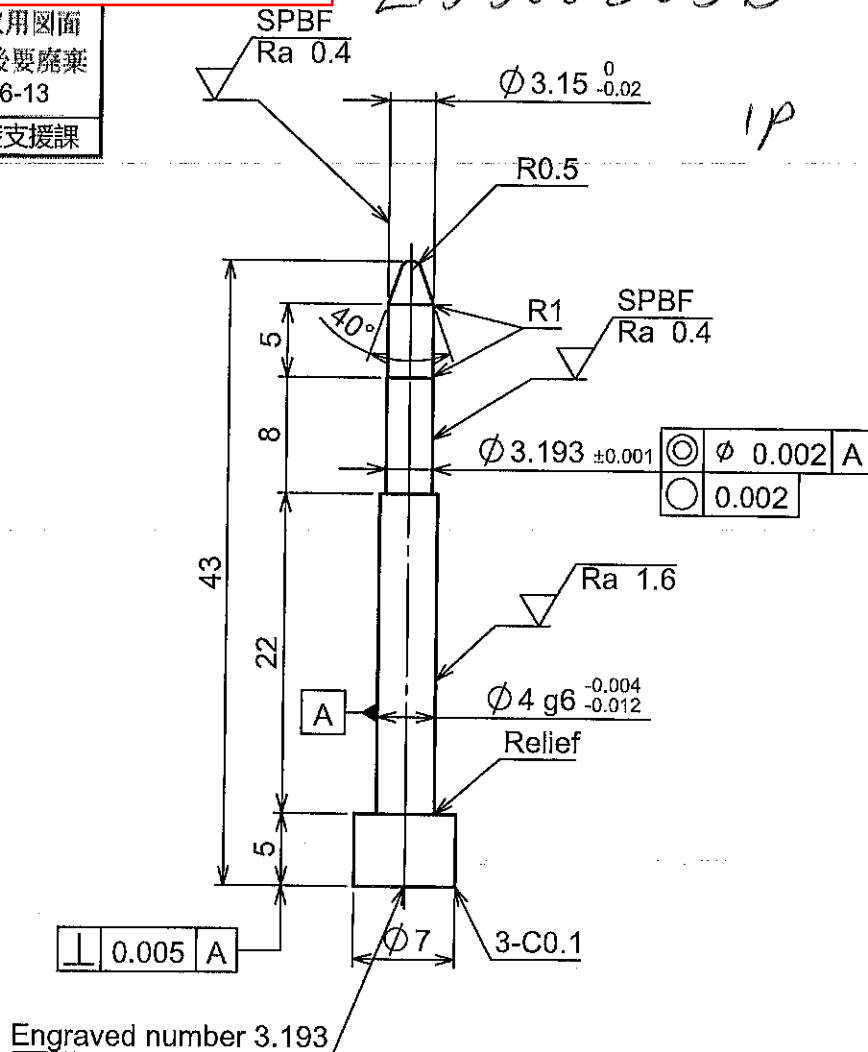
FINISH MARKS

Ra 3.2 Ra 1.6 SPBF Ra 0.4

213 306 56 5 B

Unspecified
Corner C0.1製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-13

VDM 生産支援課



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Phuoc_Bao	WC(D30)		部品図	サイジングピン
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	SIZING PIN
Ha_Ngoc_Tien		2:1	部品圖	整形銷
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	整形销
Ha_Ngoc_Tien	HRC °~°	A4	2021/12/21	DWG.No.
				R440045

SNO: **R440045**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	GR:25 GS1:20 GC:135 GP:60 GS2:20 AF:10 AL:5 KT